

Bản án số: **195/2024/DS-PT**

Ngày: 22-4-2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Ngày 22/4/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 158/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 02 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 188/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 248/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hồ Văn T, sinh năm 1970 (có mặt);

HKTT: Tổ 2, Ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Số A, đường P, Tổ 30, Khóm D, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Thái Văn Q, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lê Văn K, sinh năm 1971 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm);

Địa chỉ: Ấp A, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Thái Văn Q là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn ông Hồ Văn T trình bày:** Ông Thái Văn Q có vay tiền của ông T nhiều lần, cụ thể như: Lần 1: Ngày 15/01/2019, ông Q vay số tiền 20.000.000 đồng, có xác lập biên nhận, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng nhưng không ghi vào hợp đồng. Số tiền vay này ông Q đã thanh toán xong; Lần 2: Ngày 04/4/2019, ông Q tiếp tục vay số tiền 24.000.000 đồng, có xác lập biên nhận, lãi suất thỏa thuận cũng là 3%/tháng nhưng không ghi trong hợp đồng. Số tiền vay này, ông Q cũng đã trả xong; Lần 3: Ngày 26/4/2019, ông Q tiếp tục vay số tiền 20.000.000 đồng, có xác lập biên nhận, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng nhưng không ghi vào hợp đồng, không thỏa thuận thời hạn trả và không thế chấp tài sản. Từ ngày vay cho đến nay, ông Q chưa thanh toán xong khoản nợ này.

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Q có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay còn thiếu là 20.000.000 đồng và lãi suất là 1,66%/tháng tính ngày 26/4/2019 cho đến khi kết thúc vụ kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông T thống nhất có nhận số tiền 12.000.000 đồng do ông Q đưa cùng có mặt ông C và số tiền ông K đã trả 20.000.000 đồng theo biên nhận đã được công khai. Ngoài ra, ông Q có trả cho ông T được riêng số tiền 20.000.000 đồng nhưng không xác lập biên nhận. Tuy nhiên, số tiền 32.000.000 đồng (đã nhận 12.000.000 đồng từ ông Q có mặt ông C và số tiền 20.000.000 đồng của ông K) và số tiền 20.000.000 đồng không xác lập biên nhận là khoản nợ ngày 15/01/2019 và ngày 04/04/2019. Các lần trả tiền thì ông T không nhớ thời gian nào. Riêng số tiền 20.000.000 đồng vay ngày 26/4/2019 thì ông Q chưa thanh toán. Khi vay tiền, ông Q không có thế chấp tài sản nhưng có tự nguyện giao giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất để làm tin. Các lần vay tiền ngày 15/01/2019 và ngày 04/4/2019, ông Q trả xong tiền đều lấy lại giấy chứng nhận QSD đất. Lần vay tiền ngày 26/4/2019, chưa thanh toán xong nên không lấy lại giấy chứng nhận QSD đất. Ông T chỉ cho ông Q vay tiền nên chỉ yêu cầu ông Q trả, không yêu cầu ai có nghĩa vụ liên đới trả. Ông T yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật.

- **Bị đơn ông Thái Văn Q trình bày:** Ông Q thừa nhận có vay tiền của ông Hồ Văn T các lần như: Lần 1: Ngày 15/01/2019, vay số tiền 20.000.000 đồng, có xác lập biên nhận, lãi suất thỏa thuận là 10.000 đồng/triệu/ngày. Số tiền này ông Q đã thanh toán xong; Lần 2: Ngày 04/4/2019, ông Q tiếp tục vay số tiền 24.000.000 đồng, có xác lập biên nhận, lãi suất thỏa thuận là 10.000 đồng/triệu/ngày nhưng không ghi trong hợp đồng. Số tiền này, ông Q cũng đã trả xong; Lần 3: Ngày 26/4/2019, tiếp tục vay số tiền 20.000.000 đồng, có xác lập biên nhận như ông T cung cấp, lãi suất thỏa thuận là 10.000 đồng/triệu/ngày nhưng không ghi vào hợp đồng, không thỏa thuận thời hạn trả. Khoản tiền này là vay giúp ông Lê Văn K. Ngày 26/6/2019, ông Q có đóng lãi cho ông T số tiền

12.000.000 đồng, do vợ ông T trực tiếp nhận tiền. Đến ngày 26/7/2019, ông Lê Văn K là bạn của ông Q đã mang 20.000.000 đồng đến trả cho ông T xong, ông T có làm biên nhận giao cho ông K. Các lần vay tiền ông Q đều thế chấp cho ông T giấy chứng nhận QSD đất. Sau khi hoàn thành việc trả tiền, ông T sẽ trả giấy chứng nhận QSD đất lại. Riêng lần vay tiền ngày 26/4/2019, ông Q cũng thế chấp giấy chứng nhận QSD đất. Do số tiền ông Q và ông K đã trả cho ông T còn nợ lại khoảng 6.000.000 đồng tiền lãi nên chưa lấy giấy chứng nhận QSD đất lại.

Do ông Q đã trả xong tiền cho ông T nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Q trình bày bổ sung: Các lần vay tiền vào ngày 15/01/2019 và ngày 04/4/2019 có thế chấp QSD đất. Khi thanh toán xong đều yêu cầu ông T trả lại. Đối với khoản vay ngày 26/4/2019, ông Q đã trả 12.000.000 đồng và ông K trả 20.000.000 đồng nhưng còn nợ lãi 6.000.000 đồng nên chưa yêu cầu nhận lại giấy chứng nhận QSD đất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn K trình bày: Ông K có quen biết với ông T nên hai bên thỏa thuận giao máy xúc cho ông Q làm công trình để kiếm thêm thu nhập. Sau đó, ông Q có nói là vay tiền của ông T để hoạt động máy xúc nhưng không xác định bao nhiêu, không xác định lãi suất và thời gian vay như thế nào. Sau đó, ông K có đưa ông Q số tiền 12.000.000 đồng thông qua ông C trả nợ cho ông T. Tuy nhiên, ông Q nói chỉ đủ đóng lãi, chưa thanh toán được tiền gốc. Ông K hỏi ông Q thì xác định còn nợ ông T số tiền 20.000.000 đồng. Ông K trực tiếp trả cho ông T số tiền 20.000.000 đồng nhưng không nhớ rõ thời gian. Biên nhận ông Q cung cấp cho Tòa án ghi nhận ông T có nhận của ông K số tiền 20.000.000 đồng là số tiền đã trả nêu trên.

Ông K xác định không có vay tiền của ông T. Thống nhất có trả cho ông T tổng cộng 32.000.000 đồng nhưng không nhớ cụ thể thời gian. Riêng việc vay tiền giữa ông Q với ông T như thế nào thì ông K không rõ. Nay ông T và ông Q tranh chấp tiền vay thì ông K không có ý kiến gì. Ông K cũng không tranh chấp với ông Q và ông T số tiền đã trả.

- Người làm chứng ông Nguyễn Văn B trình bày: Ông B là bạn với ông Q và ông T. Trước đây, ông Q có vay tiền của ông T 02 lần, mỗi lần 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 10.000 đồng/triệu/ngày. Các lần vay đều xác lập biên nhận, ông B có chứng kiến nhưng không nhớ ngày tháng. Lần thứ 3, ông K có nhờ ông Q vay giúp số tiền 20.000.000 đồng nhưng không xác định ngày tháng năm nào. Khi ông K nhờ ông Q vay tiền của ông T thì ông B có chứng kiến. Ông B trực tiếp cùng với ông Q đến nhà của ông T ở phường D, thành phố C vay tiền, lãi suất thỏa thuận là 10.000 đồng/triệu/ngày, hai bên có xác lập biên nhận. Sau khi vay tiền xong, ông Q giao tiền cho ông K ở Câu lạc bộ hưu trí thuộc phường A, thành phố C. Còn việc trả nợ thì ông B không chứng kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 188/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh (viết tắt bản án sơ thẩm) đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Văn T;

Buộc ông Thái Văn Q có nghĩa vụ trả cho ông Hồ Văn T số tiền 28.764.800đ (Hai mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Ông Hồ Văn T được nhận lại tiền tạm ứng án phí 898.000đ (Tám trăm chín mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000987 ngày 15/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Ông Thái Văn Q phải chịu án phí sơ thẩm là 1.438.000đ (Một triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm. Ngày 03/10/2023 bị đơn ông Thái Văn Q không thống nhất bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Văn T. Yêu cầu ông T đem cuốn sổ ghi chép biên nhận nợ năm 2019 ra Tòa án để đối chất. Làm rõ biên nhận nợ ngày tháng năm nào và số tiền lãi mà ông C đã đóng vào ngày tháng năm nào.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông Thái Văn Q trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Q, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Văn T. Bởi căn cứ như: Khoản vay ngày 26/4/2019 với số tiền 20.000.000 đồng thì ông Q đã trả cho ông T 12.000.000 đồng khi có mặt ông C và ông K đã trả 20.000.000 đồng cho ông T có làm biên nhận. Tài liệu là sổ ghi chép do ông T cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm là không đúng với sổ ghi chép nợ năm 2019, sổ ghi chép này do ông T ghi lại mới là giả mạo.

- Nguyên đơn ông Hồ Văn T trình bày: Ông T thừa nhận có nhận tiền của ông Q 03 lần là: 12.000.000 đồng, 20.000.000 đồng và 20.000.000 đồng (do ông K đưa) nhưng số tiền này là để trả cho các khoản vay ngày 15/01/2019 với số tiền 20.000.000 đồng và khoản vay ngày 04/4/2019 với số tiền 24.000.000 đồng, ông T không tranh chấp 02 khoản vay này, còn khoản vay ngày 26/4/2019 với số tiền 20.000.000 đồng thì ông Q chưa trả gốc và lãi. Vì vậy, ông T không thống nhất

yêu cầu kháng cáo của ông Q, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị đơn ông Thái Văn Q thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Thái Văn Q; tuyên xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 188/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh (Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm số: 257/PB-VKS-DS ngày 22/4/2024).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Việc bị đơn ông Thái Văn Q nộp đơn kháng cáo ngày 03/10/2023 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê Văn K vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Hồ Văn T có thỏa thuận cho ông Thái Văn Q vay tiền 03 lần như: Lần 1 vào ngày 15/01/2019 ông Q vay số tiền 20.000.000 đồng; Lần 2 vào ngày 04/4/2019 ông Q vay số tiền 24.000.000 đồng; Lần 3 vào ngày 26/4/2019 ông Q vay số tiền 20.000.000 đồng, cả 3 lần vay ông Q đều ký biên nhận nhận tiền với ông T, các bên đều cho rằng vay có lãi suất nhưng không được ghi trong biên nhận. Nguyên đơn ông T yêu cầu ông Q phải trả số tiền còn nợ theo biên nhận ngày 26/4/2019 gốc là 20.000.000 đồng, lãi suất theo quy định của pháp luật là 0,83%/tháng tính từ ngày 26/4/2019; Đối với số tiền theo biên nhận nợ ngày 15/01/2019 là 20.000.000 đồng và biên nhận nợ ngày 04/4/2019 là 24.000.000 đồng thì ông Q đã thanh toán xong thông qua việc ông T có nhận số

tiền 12.000.000 đồng do ông Q đưa có mặt ông C, số tiền ông K đã trả 20.000.000 đồng ông T có ghi biên nhận cho ông K và số tiền 20.000.000 đồng ông Q có trả riêng cho ông T nhưng không xác lập biên nhận, nên ông T không có yêu cầu đối với số tiền theo 02 biên nhận nợ này. Còn bị đơn ông Q không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông T, vì đã thanh toán xong số tiền còn nợ theo 03 biên nhận nêu trên cho ông T. Điều này đã làm phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Văn T buộc bị đơn ông Thái Văn Q có nghĩa vụ trả cho ông Hồ Văn T số tiền nợ vay gốc là 20.000.000 đồng, lãi là 8.764.800 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 28.764.800 đồng là có cơ sở. Bởi lẽ: Ông Q thừa nhận có vay tiền của ông T 03 lần gồm: Ngày 15/01/2019 vay số tiền 20.000.000 đồng, ngày 04/4/2019 vay số tiền 24.000.000 đồng và ngày 26/4/2019 vay số tiền 20.000.000 đồng, ông Q cho rằng đã trả tiền vay cho ông T 02 lần vay ngày 15/01/2019 và ngày 04/4/2019 đã được ông T thừa nhận, còn lần vay ngày 26/4/2019 thì ông Q vay giúp ông Lê Văn K là bạn của ông Q thì ông Q đã trả tiền vay xong cho ông T thể hiện: ngày 26/6/2019 ông Q có đóng lãi cho ông T số tiền 12.000.000 đồng, đến ngày 26/7/2019 ông K đã mang 20.000.000 đồng đến trả cho ông T xong, ông T có làm biên nhận giao cho ông K. Tuy nhiên, việc này không được ông T thừa nhận mà cho rằng số tiền 12.000.000 đồng và số tiền 20.000.000 đồng do ông Q trả, cùng với số tiền 20.000.000 đồng do ông K trả cho ông T là trả cho số tiền vay theo 02 biên nhận ngày 15/01/2019 và ngày 04/4/2019 chứ không phải trả cho số tiền vay 20.000.000 đồng của biên nhận ngày 26/4/2019. Ông Q không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả xong cho ông T đối với số tiền vay của biên nhận ngày 26/4/2019, mặt khác tài sản thế chấp là giấy chứng nhận QSD đất của ông Q khi vay tiền ngày 26/4/2019 vẫn do ông T giữ mà chưa hoàn trả cho ông Q, cho thấy ông Q đã chưa thanh toán số tiền còn nợ cho ông T. Đối với lời khai của ông Lê Văn K cho rằng không có trực tiếp vay tiền của ông T, ông K chỉ có gửi cho ông Q trả cho ông T 12.000.000 đồng (có mặt ông C) và trực tiếp trả cho ông T 20.000.000 đồng, ông T có làm biên nhận nhưng không ghi thời gian nhận tiền, cũng như ông K trả tiền cho khoản vay nào, nên không có cơ sở xác định ông K trả tiền cho ông T là trả cho khoản vay ngày 26/4/2019.

Về lãi suất, do các bên có tranh chấp về mức lãi suất thỏa thuận, nên Tòa án sơ thẩm áp dụng mức lãi suất là 0,833%/tháng là phù hợp quy định khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa bị đơn ông Thái Văn Q vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu

Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Văn T. Hội đồng xét xử xét thấy, trình bày của ông Q là không có đủ căn cứ, đồng thời ông Q cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Thái Văn Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn ông Thái Văn Q không được chấp nhận, nên ông Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Thái Văn Q;
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 188/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.
3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Thái Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004433, ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- TAND huyện Cao Lãnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVÀ, TDS (Quang).

(Đã ký tên và đóng dấu)

Ngô Tấn Lợi